

Bản án số: **28/2021/DS-ST**
Ngày: 10/11/2021.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
góp hui*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tiền.

2. Ông Nguyễn Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-DS ngày 17/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Trần Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Quới Lợi, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: tổ 5, ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Phước C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: tổ 5, ấp Long Hòa, xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T có mặt, bà T, ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn T có lời trình bày:

Năm 2018 và 2019, ông có vô 03 dây hui của bà Phạm Kim T, địa chỉ ấp L, xã G, huyện C làm chủ, cụ thể như sau:

1. Dây hui 1000.000đồng, có 31 hui viên tương đương với 31 phần hui, hui khai 03 lần vào các ngày 10, 20, 30 âm lịch hàng tháng, khai lần đầu vào ngày 10/9/2018, ông đã đóng được 22 phần hui sống với tổng số tiền 10.710.000đồng;

2. Dây hụi 2000.000đồng, có 30 hụi viên tương đương với 30 phần hụi, hụi khai 02 lần vào các ngày 12, 27 âm lịch hàng tháng, khai lần đầu vào ngày 12/4/2018, ông đã đóng được 24 phần hụi sống với tổng số tiền 18.600.000đồng;

3. Dây hụi 2000.000đồng, có 32 hụi viên tương đương với 32 phần hụi, hụi khai 02 lần vào các ngày 15, 30 âm lịch hàng tháng, khai lần đầu vào ngày 15/9/2019, ông đã đóng được 05 phần hụi sống với tổng số tiền 6.550.000đồng.

Quá trình chơi hụi ông T đã đóng hụi cho bà T số tiền 35.860.000đồng tuy nhiên vào cuối năm 2019, bà T tuyên bố vỡ hụi, mất khả năng chi trả.

Quá trình chơi hụi bà T không có lập sổ hụi để hai bên cùng quản lý theo dõi và ký tên xác nhận nhưng khi ông làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Gi, huyện C giải quyết, tại buổi hòa giải vào ngày 16/01/2020, bà Phạm Thị Kim T có mặt và thừa nhận làm chủ 03 dây hụi có ông tham gia, hiện còn nợ số tiền hụi sống 35.860.000đồng và còn xin ông T cho bà bán đất sẽ trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả nợ cho ông bắt buộc ông phải khởi kiện.

Để đảm bảo quyền lợi, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Kim T phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 35.860.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Do khi bà T làm chủ hụi thì ông Lê Phước C vẫn là chồng bà T, ông C biết rõ ông tham gia chơi hụi với bà T nhưng cũng không có ý kiến phản đối vì vậy ông yêu cầu bà Phạm Thị Kim T, ông Lê Phước C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 35.860.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Kim T, ông Lê Phước C vắng mặt vì vậy không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức:

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải vì vậy đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung:

Theo nguyên đơn, vào năm 2018 và 2019, ông có vô 03 phần hụi của bà Phạm Kim T làm chủ hụi, cụ thể ông đã tham gia 03 dây hụi 1000.000đồng khai lần đầu vào ngày 10/9/2018, ông đã đóng được số tiền 10.710.000đồng; dây hụi 2000.000đồng khai lần đầu vào ngày 12/4/2018, ông đã đóng được số tiền 18.600.000đồng và dây hụi 2000.000đồng, khai lần đầu vào ngày 15/9/2019, ông đã đóng được số tiền 6.550.000đồng tuy nhiên vào cuối năm 2019, bà T tuyên bố vỡ hụi, mất khả năng chi trả; trong quá trình chơi hụi bà T không có lập sổ hụi để hai bên

cùng quản lý theo dõi và ký tên xác nhận nhưng khi ông làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Gi, huyện C, tại buổi hòa giải vào ngày 16/01/2020, bà Phạm Thị Kim T có mặt và thừa nhận làm chủ 03 dây hui có ông tham gia, hiện còn nợ số tiền hui sống 35.860.000đồng nhưng cho đến nay không thực hiện nghĩa vụ đã hứa và bà T cũng không có mặt để hòa giải, thương lượng với ông.

Do các bên không thống nhất về nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng góp hui vì vậy phát sinh tranh chấp.

Chứng cứ cho yêu cầu của nguyên đơn là 03 bản phô tô tờ giấy hui viết tay, biên bản hòa giải vào ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân xã Gi, huyện do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xem xét, phân tích đánh giá chứng cứ như sau:

Năm 2018 và 2019, nguyên đơn có xác lập giao dịch dân sự với hình thức tham gia 03 dây hui loại 1000.000đồng và 2000.000đồng do bị đơn làm chủ hui tuy nhiên vào cuối năm 2019, bà T tuyên bố vỡ hui, mất khả năng chi trả; quá trình giải quyết bị đơn không có mặt để xác nhận có làm chủ hui và nguyên đơn tham gia chơi hui hay không, trong quá trình chơi hui thì chủ hui còn thiếu tiền hui là bao nhiêu và có trả cho nguyên đơn được phần nào không. Hội đồng xét xử xem xét chứng cứ là 03 tờ giấy hui phô tô theo ông T là do bị đơn lập và giao cho ông giữ nhưng nội dung không rõ ràng, chủ hui ghi là V – Bé M nên không đủ căn cứ xác định bị đơn còn nợ tiền hui nguyên đơn tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân xã Gi, huyện C do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, xét bà T có mặt và có xác nhận tổng cộng số tiền 03 dây hui nợ ông T là 35.860.000đồng và có hứa mỗi tháng sẽ trả 500.000đồng, khi bán đất sẽ trả nợ hết nợ cho ông T.

Hội đồng xét xử nhận thấy bà Phạm Thị Kim T là chủ hui tại địa bàn xã Gi có nhiều hui viên tham gia chơi hui với bà T và trước đây cũng có nhiều người hui viên đã khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân huyện C; trong quá trình chơi hui với ông T thì bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của chủ hui và đã thừa nhận nợ vì vậy cần thiết phải chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T phải có nghĩa vụ trả số nợ 35.860.000đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi, nguyên đơn không yêu cầu là do sự tự nguyện vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét trách nhiệm liên đới của ông Lê Phước C với bà Phạm Thị Kim T Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình giao dịch hui của ông T do bà T làm chủ diễn ra liên tục vào thời gian bà T và ông C có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp vì vậy cần buộc bà T và ông C có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp quy định của Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vậy buộc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 35.860.000đồng x 5% = 1.793.000đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 907.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004939 ngày 02/02/2021.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Cụ thể tuyên:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T đối với bà Phạm Thị Kim T và ông Lê Phước C về việc khởi kiện đòi lại số tiền nợ hui là 35.860.000đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Buộc bà Phạm Thị Kim T và ông Lê Phước C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn T số tiền hui là 35.860.000đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ghi nhận ông Trần Văn T không yêu cầu tính lãi đới với số tiền này.

Kể từ ngày ông Trần Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Kim T và ông Lê Phước C chưa thi hành xong số tiền trên thì bà Phạm Thị Kim T và ông Lê Phước C phải chịu tiền lãi đới với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Kim T và ông Lê Phước C phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 1.793.000đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C (01b);
- Chi cục THADS huyện C (01b);
- TAND tỉnh Bến Tre (01b);
- Các đương sự (03b);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng (02b).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Chí Cường